

TTT

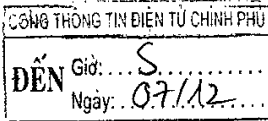
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ: 2356/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản Văn hoá và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật di sản Văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025, với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. PHẠM VI, QUY MÔ, MỤC TIÊU QUY HOẠCH

1. Phạm vi, quy mô và ranh giới quy hoạch:

a) Phạm vi, quy mô quy hoạch bao gồm: 138 di tích và cụm di tích (Danh mục tại Phụ lục kèm theo) thuộc vùng bảo vệ di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, có diện tích khoảng 3.100 ha, trên địa bàn 11 xã: Tân Trào, Minh Thanh, Trung Yên, Bình Yên và Lương Thiện (thuộc huyện Sơn Dương), Kim Quan, Trung Sơn, Hùng Lợi, Trung Minh, Đạo Viện và Công Đa (thuộc huyện Yên Sơn).

b) Ranh giới được xác định: Phía Bắc giáp huyện Chiêm Hóa; phía Đông giáp tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên; phía Nam giáp xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương và phía Tây giáp các xã: Tân Tiến, Phú Thịnh và Tiến Bộ huyện Yên Sơn.

2. Mục tiêu Quy hoạch:

a) Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử của các di tích hiện còn nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, phục vụ nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân trong vùng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo cho người dân vùng căn cứ cách mạng Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang và vùng phụ cận.

b) Xác định chức năng và diện tích đất sử dụng cho khu vực di tích, khu dân cư, khu vực bảo vệ môi trường sinh thái. Tổ chức không gian và bố trí hệ thống hạ tầng trong từng giai đoạn bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

c) Định hướng kế hoạch, lộ trình và các nhóm giải pháp tổng thể quản lý, đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào.

d) Kết nối các điểm tham quan di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh để xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch sinh thái của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

đ) Tạo căn cứ pháp lý cho công tác lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai các dự án thành phần bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị khu di tích gắn với phát triển du lịch theo đồ án Quy hoạch được duyệt.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH CHỦ YẾU

1. Định hướng quy hoạch không gian

a) Phân vùng chức năng

- Vùng bảo vệ di tích gốc là 156 ha, trong đó vùng bảo vệ I là 111,48 ha và vùng bảo vệ II là 44,52 ha; bao gồm 9 cụm di tích và 129 di tích đơn lẻ.

- Vùng bảo vệ cảnh quan di tích, phục vụ du lịch là 2.944 ha; bao gồm: làng truyền thống Tân Lập, các làng bản khác, núi rừng, đồng ruộng gắn với các hoạt động cách mạng bao quanh di tích gốc; khu quản lý - đón tiếp, bảo tàng ATK (an toàn khu), công viên Tân Trào, công trình công cộng, nhà ở, khu lễ hội và khu lưu trú - dịch vụ du lịch.

b) Định hướng quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan

- Hình thành trung tâm bố cục chính cho toàn khu di tích, có vị trí cạnh ngã ba thôn Bòng (giáp quốc lộ 2C và đường vào cụm di tích Tân Trào), tạo không gian kết nối mạng với 9 cụm di tích và 129 di tích đơn lẻ.

- Đối với không gian vùng bảo vệ di tích gốc:

+ Định hướng bảo tồn nguyên trạng: Giữ nguyên bố cục không gian, kiến trúc cảnh quan đối với 4 cụm di tích và 17 di tích (Danh mục tại

Phụ lục I) còn tương đối nguyên vẹn và đã được tu bổ, tôn tạo, phục hồi trong thời gian gần đây; bổ sung một số hạng mục trưng bày nội thất như: hình ảnh hoạt động của cán bộ cách mạng và các hiện vật liên quan đến di tích, phục vụ nhu cầu tham quan, nghiên cứu của khách du lịch.

+ Định hướng phục hồi di tích đã mất (Danh mục tại Phụ lục II): Lựa chọn các di tích có giá trị lịch sử quan trọng, có vị trí xung quanh khu di tích Tân Trào, thuận tiện cho việc đi lại, tham quan để phục hồi dựa trên các tư liệu lịch sử, hình ảnh và lời kể của các nhân chứng.

Phục hồi cảnh quan, địa hình, đường mòn, cây xanh, mặt nước.

Phục hồi công trình kiến trúc và nội thất: Sử dụng các vật liệu bền vững cho kết cấu kiến trúc công trình trên cơ sở tạo hình bề mặt giống vật liệu tự nhiên; sử dụng các loại vật liệu sẵn có của địa phương để lợp mái, thưng vách. Bổ sung nội thất gồm các hình ảnh hoạt động của cán bộ cách mạng, vật dụng và biển chỉ dẫn, chú thích các sự kiện quan trọng diễn ra tại địa điểm di tích.

+ Định hướng tôn tạo không gian, kiến trúc cảnh quan di tích đã mất toàn bộ hoặc còn nhưng không được lựa chọn phục hồi hay bảo tồn nguyên trạng, gồm 5 cụm di tích và 108 di tích đơn lẻ (Danh mục tại Phụ lục III): Thực hiện việc lấp đặt bia lưu niệm; có thể xây dựng nhà che bia với kiến trúc theo phong cách truyền thống miền núi; chỉnh trang sân đường, cảnh quan.

+ Trồng bổ sung những loài cây có giá trị cảnh quan như đa, đại, phách, đinh, lát, nhội, tre... Kết hợp với loài cây hiện có để tăng cường không gian xanh bao che di tích.

- Định hướng phát triển không gian vùng bảo vệ cảnh quan di tích, phục vụ du lịch:

+ Khu Quản lý - đón tiếp, diện tích khoảng 15,54 ha: Có vị trí tại ngã ba thôn Bông với các không gian chức năng chính như đón tiếp, giao lưu văn hóa dân gian, dịch vụ du lịch, bãi đỗ xe, lưu trú, tạo không gian cảnh quan. Vật liệu xây dựng công trình chủ yếu là tre và gỗ, hình thức kiến trúc phù hợp với không gian núi rừng, truyền thống văn hóa của đồng bào các dân tộc trong khu vực.

+ Biểu tượng “Công chào ATK” được xây dựng tại ngã ba, lối vào di tích giao với quốc lộ 2C.

+ Bảo tàng ATK Tân Trào: Được xây dựng mới và mở rộng trên vị trí nhà Ban quản lý và khu bảo tàng hiện nay. Thực hiện di dời, bố trí khu làm việc cũ về ngã ba thôn Bông và khu nhà ở của cán bộ Ban quản lý về khu tái định cư mới, cạnh quốc lộ 2C.

Công trình nhà bảo tàng có nhiều chức năng khác nhau, như: trưng bày, bảo quản, dịch vụ văn hóa, không gian tưởng niệm Chủ tịch

Hồ Chí Minh, không gian trải nghiệm văn hóa lịch sử, không gian lễ hội và các công trình phụ trợ như bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng, quầy dịch vụ...

Định hướng kiến trúc nhà bảo tàng: Nhà bảo tàng và các hạng mục công trình khác được xây dựng theo phong cách truyền thống dân tộc ít người khu vực Tân Trào trên cơ sở sử dụng vật liệu hiện đại; trưng bày nội thất theo phong cách hiện đại. Sân vườn bố trí theo bố cục tự do, sử dụng cây có nguồn gốc bản địa.

+ Khu công viên Tân Trào: Có vị trí tại phía trước Bảo tàng ATK Tân Trào, gần suối Khuôn Pén, hình thành một khu công viên thực vật giới thiệu các loài cây đặc trưng của núi rừng Tuyên Quang; là không gian đệm của khu di tích Tân Trào, có các chức năng cắm trại, giao lưu văn hóa, tổ chức lễ hội...

+ Khu du lịch sinh thái tại xã Tân Trào: Kết hợp mặt nước và khung cảnh núi rừng tạo không gian sinh thái xanh, phục vụ tổ chức các hoạt động dã ngoại, ngoài trời như cắm trại, câu cá, leo núi...

+ Nhà ở và các không gian công cộng trong khu vực quy hoạch:

Cải tạo điều kiện cơ sở hạ tầng, chỉnh trang khu làng xóm hiện có: Tôn tạo đường làng, ngõ xóm, mặt đường không vỉa hè. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp thoát nước, thông tin, internet...) ngầm; cột đèn đường có hình thức phù hợp với không gian chung.

Bảo tồn cấu trúc truyền thống khu làng Tân Lập của người dân tộc Tày, di tích cây đa Tân Trào, nhà ông Nguyễn Tiên Sự, nhà ông Hoàng Trung Dân.

Khu vực dân cư mới bố trí theo quy hoạch xây dựng. Mật độ xây dựng không quá 40%. Không xây dựng mới các công trình có quy mô lớn, chiều cao vượt trên nóc đình xung quanh di tích đình Tân Trào.

+ Khu vực đồi núi: Trồng xen lẫn loài cây lá rộng với cây bản địa, bổ sung cây có tán, có hoa và thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng của khu vực tạo không gian, phong cảnh đẹp của rừng thực vật.

+ Bảo vệ nguyên trạng, nghiêm cấm các hình thức khai thác làm ảnh hưởng tới cảnh quan thiên nhiên, không gian mặt nước gắn liền với các địa điểm lịch sử như: Sông Phó Đáy, suối Khuôn Pén, hồ Nà Lừa...

+ Khu vực đồng ruộng: Cải tạo các cánh đồng hiện có thành các điểm tham quan du lịch.

c) Định hướng phát triển du lịch

- Về cơ sở lưu trú, cơ sở dịch vụ du lịch: Xây dựng khu lưu trú, khu dịch vụ du lịch hai bên bờ sông Phó Đáy. Khuyến khích phát triển cơ sở lưu trú và dịch vụ lưu trú tại nhà dân (homestay).

- Về sản phẩm du lịch:

+ Du lịch văn hóa - lịch sử (du lịch về nguồn, du lịch hoài niệm): Trải nghiệm các hoạt động cách mạng, tham gia các lễ hội, các hoạt động văn hoá, trò chơi dân tộc, tìm hiểu phong tục tập quán, đời sống sinh hoạt, văn nghệ, ẩm thực, nghề truyền thống... của người dân tộc;

+ Du lịch sinh thái: các hoạt động ngoài trời, thể thao leo núi, câu cá, tham quan các làng truyền thống... Tăng cường kết nối với các điểm tiềm năng du lịch sinh thái của Tuyên Quang;

+ Du lịch nghỉ dưỡng: Kết hợp khai thác tiềm năng du lịch nghỉ dưỡng của Tuyên Quang; trong đó tập trung khai thác tiềm năng du lịch khu suối khoáng Mỹ Lâm.

- Các tuyến du lịch:

+ Các tuyến quốc tế: Kết nối khu di tích Tân Trào và các điểm di tích trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang tới thủ đô Hà Nội và đi quốc tế (qua cảng hàng không quốc tế Nội Bài); kết nối với tỉnh Hà Giang đi Châu Văn Sơn (Trung Quốc); kết nối với tỉnh Lào Cai đi thành phố Côn Minh (Trung Quốc); kết nối với tỉnh Lạng Sơn đi thành phố Bằng Tường (Trung Quốc); kết nối với thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh đi thành phố Nam Ninh (Trung Quốc).

+ Các tuyến liên tỉnh: kết nối khu di tích Tân Trào với các cụm di tích, điểm di tích trong vùng di tích chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Tuyên Quang - Thái Nguyên - Bắc Kạn và với các tỉnh khác trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc; với thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc.

+ Các tuyến liên huyện và nội tỉnh: Tân Trào - đền Hạ - đền Thượng - đền Ý Lan và đền thờ Bác Hồ (thành phố Tuyên Quang); Tân Trào - khu di tích Kim Bình - đền Bách Thần - đền Đầm Hồng - thác Bản Ba - chùa Bảo Ninh Sùng Phúc (huyện Chiêm Hóa); Tân Trào - Thủy điện Tuyên Quang - đền Pác Tả - thác Mơ (huyện Na Hang); Tân Trào - danh thắng Thượng Lâm - động Song Long - thác Nặm Me (huyện Lâm Bình); Tuyến Tân Trào - đền Bắc Mực - đền Thác Cái - động Tiên.

+ Các tuyến nội vùng: Thôn Bòng - Lập Bình - Tân Trào - Minh Thanh - Trung Yên - Kim Quan - Nà Ho; Thôn Bòng - Trung Sơn - Kim Quan - Trung Yên - Minh Thanh - Tân Trào. Tân Trào - Khu nghỉ dưỡng Suối khoáng Mỹ Lâm (xã Phú Lâm) - Chùa Phật Lâm (xã Nhữ Hán) - Di tích lịch sử cách mạng Lào (xã Mỹ Bằng); Tân Trào - Đền Thượng (thị trấn Sơn Dương) - Đền Ba Khuôn (xã Vĩnh Lợi) - Bia Chiến thắng Bình Ca - Tân Trào - Kim Bình (Chiêm Hóa) - Na Hang.

2. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

- Giao thông đối ngoại: Nâng cấp quốc lộ 2C thành tuyến giao thông quan trọng và thuận lợi để thu hút khách du lịch đến với khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào; điều chuyển đoạn quốc lộ 2C tiếp cận với di tích ra ngoài vùng ảnh hưởng di tích. Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối khu di tích ATK Tân Trào với khu di tích ATK Định Hóa (Thái Nguyên) thành tuyến giao thông quan trọng và thuận lợi để thu hút khách du lịch.

- Giao thông đối nội: Đầu tư cải tạo, nâng cấp đường nội bộ trong khu vực di tích và đường kết nối tới các điểm di tích phù hợp với cảnh quan, môi trường.

- Giao thông tĩnh: Bố trí bãi đỗ xe vận chuyển khách du lịch tại phân khu phát huy giá trị di tích; sử dụng các phương tiện vận chuyển thân thiện môi trường trong nội bộ khu di tích.

b) Chuẩn bị kỹ thuật san nền

Hạn chế việc san lấp nhằm giữ gìn cảnh quan thiên nhiên và độ ổn định của nền đất, bảo đảm không ảnh hưởng đến khu vực di tích. Hạn chế tối đa việc thay đổi địa hình. Cao độ thiết kế bảo đảm cho việc thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ, sỏi lở, hài hòa với kiến trúc cảnh quan khu vực. Độ dốc nền thuận tiện cho giao thông trong khu du lịch, phù hợp với địa hình tự nhiên.

c) Về cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường

- Cấp nước: Bảo đảm cung cấp đủ nước cho toàn bộ khu dân cư của khu quy hoạch; sử dụng hệ thống cấp nước tập trung từ trạm cấp nước địa phương và sử dụng nguồn nước tại chỗ.

- Thoát nước: Bảo đảm đầy đủ, đồng bộ hệ thống thoát nước. Thiết kế riêng hệ thống thoát nước thải, nước mưa. Nước thải được xử lý trước khi đổ ra môi trường.

- Vệ sinh môi trường: Phân loại chất thải rắn tại nguồn. Bố trí hệ thống thu gom chất thải rắn trong khu vực di tích, khu vực công trình dịch vụ công cộng và trên các trục đường... phù hợp với cảnh quan khu di tích.

d) Cấp điện và thông tin liên lạc:

- Xây dựng, cải tạo ngầm hóa hệ thống điện (lưới điện trung áp và hạ áp). Trạm biến áp (xây hoặc treo) bảo đảm an toàn, mỹ quan môi trường di tích.

- Lưới điện chiếu sáng: Bảo đảm tất cả các tuyến đường trong khu di tích đều được chiếu sáng phù hợp với cảnh quan.

- Thông tin liên lạc: Bảo đảm đầu nối đồng bộ hệ thống cáp thông tin liên lạc khu vực Tân Trào và vùng phụ cận với tuyến cáp quốc gia hiện có.

3. Các nhóm dự án thành phần và phân kỳ đầu tư

a) Các nhóm dự án thành phần:

- Nhóm dự án số 1: Đền bù, giải phóng mặt bằng và cắm mốc giới khoanh vùng bảo vệ di tích; lắp đặt biển, bảng chỉ dẫn di tích; rà phá bom mìn.

- Nhóm dự án số 2: Cải tạo, tu bổ, phục hồi di tích Đình Tân Trào, cụm di tích Lán Nà Nưa và cụm di tích ATK - Kim Quan; cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất nhà trưng bày Bảo tàng Tân Trào, quảng trường Tân Trào; xây dựng các công trình phát huy giá trị di tích; cải tạo đường nội bộ và đường nối xuống suối Khuôn Pén.

- Nhóm dự án số 3: Tôn tạo các cụm di tích và di tích còn lại.

- Nhóm dự án số 4: Cải tạo, chỉnh trang làng Tân Lập, các khu cư trú truyền thống và cảnh quan khu vực bảo vệ di tích.

- Nhóm dự án số 5: Xây dựng khu lưu trú và dịch vụ du lịch, hỗ trợ phát huy giá trị di tích.

- Nhóm dự án số 6: Cải tạo quốc lộ 2C, đường nối các khu di tích.

- Nhóm dự án số 7: Nâng cao năng lực quản lý di tích gắn với phát triển du lịch.

Kinh phí thực hiện dự án được xác định cụ thể theo tổng mức đầu tư của từng nhóm dự án.

b) Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 2016 - 2020: Triển khai thực hiện nhóm dự án số 1, 2 và 3.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tiếp tục thực hiện các nhóm dự án trên và triển khai thực hiện các nhóm dự án còn lại.

Thứ tự, mức độ ưu tiên đầu tư hằng năm có thể được điều chỉnh, bổ sung căn cứ yêu cầu thực tế về bảo tồn, phát triển, khả năng huy động vốn và nguồn vốn cấp theo kế hoạch của trung ương, địa phương.

c) Vốn đầu tư thực hiện quy hoạch: Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương, chương trình mục tiêu phát triển văn hóa bố trí trực tiếp để hỗ trợ thực hiện Nhóm dự án số 2 (theo Quyết định số 2113/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ);

- Vốn hỗ trợ từ Chương trình nông thôn mới và các nguồn hợp pháp khác (Nhóm dự án số 6);

- Vốn ngân sách địa phương (Nhóm dự án số 1, số 4, số 7 và phần còn lại của Nhóm dự án số 2 và số 3);

- Vốn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác (Nhóm dự án số 3 và số 5):

+ Vốn huy động từ sự đóng góp của tổ chức, cá nhân ở các cơ quan có di tích liên quan; vốn doanh nghiệp và các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài; nguồn vốn đóng góp của nhân dân;

+ Vốn thu từ hoạt động khai thác du lịch;

+ Các nguồn huy động hợp pháp khác.

4. Giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp về quản lý

- Quản lý theo Quy hoạch tổng thể, phân vùng quy hoạch (chi tiết trong Hồ sơ quy hoạch tổng thể được duyệt); các quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành khác có liên quan trong phạm vi quy hoạch này cần thực hiện theo Quy hoạch này.

- Hoàn thiện tổ chức và nâng cao năng lực của Ban quản lý Khu du lịch lịch sử văn hóa và sinh thái Tân Trào.

- Phối hợp với chính quyền và các tổ chức xã hội tại địa phương làm tốt công tác an ninh trật tự, vệ sinh, môi trường, xây dựng cảnh quan khu di tích xanh, sạch, đẹp.

b) Giải pháp về liên kết và đầu tư

- Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch tại khu di tích; lựa chọn, ưu tiên đầu tư bảo tồn và phục hồi các di tích quan trọng tại trung tâm khu di tích Tân Trào, hình thành sản phẩm du lịch mới, độc đáo, hấp dẫn du khách.

- Căn cứ từng dự án thành phần cụ thể liên quan đến khai thác dịch vụ du lịch tại khu di tích để có thể giao cho doanh nghiệp hợp tác đầu tư khai thác (hình thức hợp tác công - tư).

- Kết hợp triển khai với các chương trình dự án có liên quan và phù hợp trên địa bàn như: Các chương trình, dự án về phát triển du lịch trong Vùng trung du và miền núi phía Bắc, Chương trình nông thôn mới, Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch...

- Phát huy mối liên kết giữa người dân, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý có liên quan tạo sự thống nhất trong việc tổ chức triển khai các hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển du lịch của địa phương.

c) Giải pháp huy động nguồn lực bảo vệ và quản lý di tích

- Hợp tác với cơ quan giáo dục về bảo tồn di tích; hướng dẫn doanh nghiệp, cộng đồng tham gia bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống và bảo vệ di tích.

- Khuyến khích phát triển các nghề truyền thống; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể của địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang:

a) Tổ chức công bố Quy hoạch, xác định mốc giới các khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích, lắp đặt biển chỉ dẫn, di dời các hộ dân trong khu vực di tích; bàn giao đất để triển khai dự án đầu tư.

b) Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm tài liệu để hoàn thiện hồ sơ khoa học, phục vụ việc lập các nhóm dự án thành phần theo các giai đoạn, phù hợp với nguồn kinh phí đầu tư, trên cơ sở đề án quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Phê duyệt các nhóm dự án thành phần và quản lý hoạt động bảo tồn và xây dựng theo Điều lệ quản lý quy hoạch được duyệt.

d) Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương; tổ chức huy động nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện Quy hoạch.

2. Trách nhiệm của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

a) Thẩm định nội dung chuyên môn các nhóm dự án thành phần thuộc nội dung Quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt.

b) Giám sát, kiểm tra tiến độ thực hiện Quy hoạch; phối hợp với các địa phương kết nối các tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, vùng trung du và miền núi phía Bắc và cả nước nhằm góp phần phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào gắn với phát triển du lịch một cách hiệu quả nhất.

3. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xem xét cân đối nguồn vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện các nhóm dự án thành phần liên quan đến di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia thuộc nội dung Quy hoạch đã được phê duyệt; bảo đảm tiến độ cấp vốn phù hợp với kế hoạch thực hiện được duyệt, quy định của Luật ngân sách nhà nước.

4. Các Bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm phối hợp, theo dõi, giám sát, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục DSVH, Tổng cục Du lịch (Bộ VH-TT-DL);
- Hội đồng DSVH quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, KTN, KTTH, V.III;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). 41





Phụ lục I

DANH MỤC CÁC DI TÍCH BẢO TỒN NGUYÊN TRẠNG

(Kèm theo Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2016

của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên di tích	Diện tích bảo vệ (m ²)		
		Khu vực bảo vệ I	Khu vực bảo vệ II	Tổng
1	Cụm di tích Nà Lừa, bao gồm các di tích: Lán Nà Nưa, lán cánh vệ, lán điện đài, lán đồng minh và Lán họp Hội nghị toàn quốc của Đảng	19.120	0	19.120
2	Cây đa Tân Trào	4.726	0	4.726
3	Đình Tân Trào	5.335	0	5.335
4	Ban Nông vận Trung ương	575	1365	1.940
5	Ban Tổ chức Trung ương	900	5780	6.680
6	Làng Tân Lập	283.778	0	283.778
7	Nhà ông Nguyễn Tiến Sự	980	0	980
8	Nhà ông Hoàng Trung Dân	1.080	0	1.080
9	Trường Quân chính kháng Nhật - Khuổi Kịch	7.205	9220	16.425
10	Lán Hang Bòng	5.903	3447	9.350
11	Lán hang Thia	60.112	0	60.112
12	Đình Hồng Thái	3.204	7893	11.097
13	Cụm di tích Trung Yên, bao gồm: di tích hầm và lán an toàn của Chủ tịch Tôn Đức Thắng, di tích Ban Thường trực Quốc hội và di tích Mặt trận Liên Việt	18.646	0	18.646
14	Cụm di tích Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ, bao gồm các di tích: Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ; Hội trường Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ; Nhà ở và làm việc của đồng chí Phạm Văn Đồng và Phòng 7; Phòng Bí thư Chủ tịch phủ; Nhà khách Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ; Phòng Hành chính Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ; Phòng Nghiên cứu Văn phòng Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ và Ban Thanh tra Chính phủ	74.224	0	74.224

15	Nha Công an Trung ương	114.783,3	194.014,4	308.797,7
16	Sân bay Lũng Cò	3.340	3.580	6.920
17	Nha Thông tin	1.358	0	1.358
18	Bộ Tư pháp	805	1.849	2.654
19	Đình Thanh La	2.451	5.494	7.945
20	Cụm di tích ATK Kim Quan, bao gồm các di tích: hầm an toàn và Lán ở, làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Hầm an toàn của Trung ương Đảng; Hầm an toàn của Chính phủ; Nhà làm việc của Tổng Bí thư Trường Chinh; Văn phòng Trung ương Đảng; Ban Tổ chức Trung ương và di tích Vực Nhù	330.827	0	330.827
21	Khẩu Lầu - Vực Hồ	4.042	3.371	7.413
	Tổng	943.394,3	236.013	1.179.408



Phụ lục II

DANH MỤC CÁC DI TÍCH PHỤC HỒI

(Kèm theo Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2016
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên di tích	Diện tích bảo vệ (m ²)		
		Khu vực bảo vệ I	Khu vực bảo vệ II	Tổng
1	Lán đồng chí Tôn Đức Thắng-Đồng Man	100	300	400
2	Văn phòng Trung ương Đảng	800	450	1.250
3	Văn phòng Tổng Bí thư Trường Chinh	1.600	0	1.600
4	Lán ở, làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh	1.980	2.755	4.735
	Tổng	4.480	3.505	7.985

28	Ban Thanh tra Lao động - Bộ Lao động	133,5	160,5	294	Nhà bia
29	Địa điểm tổ chức lễ ăn thề	75	1442	1517	Bia lưu niệm
30	Bản Ngòi Nho	1865	967	2832	Bia lưu niệm
31	Việt Nam Thông tấn xã	229	0	229	Nhà bia
32	Bộ Nội vụ	2488	4980	7468	Nhà bia
33	Nhà ông Triệu Văn Hiến	2500	7500	10000	Bia lưu niệm
34	Nơi ở, làm việc của Chủ tịch Tôn Đức Thắng	1525	1055	2580	Bia lưu niệm
35	Cơ quan chuyên gia Trung Quốc	240	671	911	Nhà bia
36	Ban Thường trực Quốc hội	900	1460	2360	Nhà bia
37	Cơ quan An toàn khu	1770	1712	3482	Bia lưu niệm
38	Đông Đình - Vực Do	1675	1094	2769	Bia lưu niệm
39	Bệnh xá 303	225	400	625	Bia lưu niệm
40	Cửa hàng Mậu dịch Trung ương	800	0	800	Bia lưu niệm
41	Trạm Thông tin Vô tuyến	100	700	800	Bia lưu niệm
42	Nhà ở của gia đình đồng chí Phạm Văn Đồng	96	0	96	Bia lưu niệm
43	Lán của đồng chí Lê Dục Tôn	449	825	1274	Bia lưu niệm
44	Bến Gành	1125	1653	2778	Bia lưu niệm
45	Trạm Thông tin Vô tuyến	25	75	100	Bia lưu niệm
46	Ngoại Thương cục	767	716	1483	Bia lưu niệm
47	Sở Mậu dịch Trung ương	270	430	700	Bia lưu niệm
48	Bộ Công thương	1050	750	1800	Nhà bia
49	Nhà ở và làm việc của đồng chí Trần Đại Nghĩa	1200	800	2000	Bia lưu niệm
50	Bộ Tư pháp	450	434	884	Nhà bia
51	Bộ Công an	800	632	1432	Nhà bia
52	Rộc Hán - Ao Gà	1225	1275	2500	Bia lưu niệm
53	Lán Vực Đảo	460	1155	1615	Bia lưu niệm
54	Câu treo Lê Dung	705	1155	1860	Bia lưu niệm
55	Bộ Lao động	736	1604	2340	Nhà bia
56	Đèo Chấn	7180	2390	9570	Bia lưu niệm
57	Ban Giao thông hỏa tót	695	773	1468	Bia lưu niệm
58	Trạm Thông tin Vô tuyến	400	250	650	Bia lưu niệm
59	Nhà ông Nguyễn Văn Cừ	25	75	100	Bia lưu niệm
60	Bộ Giao thông Công chính	300	420	720	Nhà bia
61	Cơ quan Chuyên gia Trung Quốc	500	500	1000	Bia lưu niệm
62	Bộ Công thương	3038	0	3038	Nhà bia
63	Trụ sở Ban châu Tự Do	1225	1275	2500	Bia lưu niệm
64	Nhà ông Nguyễn Văn Cừ	100	300	400	Bia lưu niệm
65	Bộ Lao động	400	1200	1600	Bia lưu niệm
66	Trụ sở Trung ương Đoàn và Báo Tiền phong - Thiêu niên	218	403	621	Nhà bia
67	Nhà ông Ma Văn Kiêm	1600	900	2500	Bia lưu niệm
68	Nhà ông Ma Văn Đạo	400	1200	1600	Bia lưu niệm

69	Nhà ông Nguyễn Đức Đại	400	500	900	Bia lưu niệm
70	Nhà ông Nguyễn Minh Châu	610	813	1423	Bia lưu niệm
71	Bộ Canh nông	625	947	1572	Nhà bia
72	Bộ Ngoại giao	4293	0	4293	Nhà bia
73	Lán Thâm Thi	1200	1800	3000	Bia lưu niệm
74	Viện Vi trùng học Trung ương Việt Bắc	625	1124	1749	Nhà bia
75	Tổng Liên đoàn Lao động	121	225	346	Nhà bia
76	Bộ Nội vụ	239	377	616	Bia lưu niệm
77	Ban Thường trực Quốc hội	784	1425	2209	Bia lưu niệm
78	Nhà ông Ma Văn Yên	400	1392	1792	Bia lưu niệm
79	Ngân hàng Quốc gia Việt Nam	3407	916	4323	Nhà bia
80	Trường Trung cấp CA	463	0	463	Bia lưu niệm
81	Bộ Tài chính	900	700	1600	Nhà bia
82	Cụm di tích thôn Khuôn Trạn, bao gồm các di tích: thôn Khuôn Trạn, lán Góc Máng, lán Ba Hòn, nhà ông Lý Khuân, nhà ông Triệu Siêu Hương, lán họp Hội nghị ba xã Tân Trào, Lương Thiện, Kháng Nhật và trạm gác Mùng Mìn	3.750	8.250	12.000	Nhà bia
83	Ban Biên tập báo Nhân dân	297	285	582	Nhà bia
84	Cơ quan đại diện Chính phủ Lào và Campuchia	291	468	759	Nhà bia
85	Văn phòng Chủ tịch Phủ - Thủ tướng Phủ	766	1329	2095	Nhà bia
86	Nhà xuất bản Sự Thật	2467	1597	4064	Nhà bia
87	Nhà ở gia đình đồng chí Phạm Văn Đồng	460	476	936	Bia lưu niệm
88	Nhà ông Nguyễn Đình Đa	218	1235	1453	Bia lưu niệm
89	Bộ Kinh tế	423	253	676	Nhà bia
90	Cụm di tích Ban châu Hồng Thái (I và II)	3.225	7.400	10.625	Nhà bia
91	Nhà ông Sâm Văn Nhi	225	400	625	Bia lưu niệm
92	Nhà ông Hoàng Văn Ngọc	225	400	625	Bia lưu niệm
93	Lán Đồng Mèo	6370	3629	9999	Bia lưu niệm
94	Tiểu đoàn 600	2176	2262	4438	Bia lưu niệm
95	Đài Tiếng nói Việt Nam	1600	2000	3600	Bia lưu niệm
96	Cơ quan Chuyên gia Trung Quốc	625	1400	2025	Bia lưu niệm
97	Cụm di tích Bản Pài, bao gồm các di tích: Bản Pài; Hang cất dầu vũ khí; Nhà ông Triệu Kim Thắng và Nhà ông Đặng Tà Sênh	29010	12718	41728	Nhà bia

98	Bản Pính	6.907	2.499	9.406	Nhà bia
99	Cụm di tích Bản Chương, bao gồm các di tích: Bản Chương; Nhà ông Lương Văn Yên; Nhà ông Hà Văn Tung; Nhà ông Hà Văn Lai và Nhà ông Ma Văn Khoa	13.633	3.954	17.587	Nhà bia
100	Lán Chủ tịch Hồ Chí Minh	2.500	10.617	13.117	Bia lưu niệm
101	Ủy ban hành chính kháng chiến Bắc Bộ	225	400	625	Bia lưu niệm
102	Nhà Thông tin	225	400	625	Nhà bia
103	Nhà ông Nông Văn Phương	400	500	900	Bia lưu niệm
104	Làng Búm	900	1.600	2.500	Nhà bia
105	Trạm liên lạc làng Oăng	3.214	26.789	30.003	Bia lưu niệm
106	Trạm Liên lạc Khuôn Uông	3.214	26.789	30.003	Bia lưu niệm
107	Cục Kỹ thuật nghiệp vụ I	5.104	2.595	7.699	Bia lưu niệm
108	Đài Tiếng nói Việt Nam	1.225	1.275	2.500	Bia lưu niệm
109	Nhà Lâm chính	100	213	313	Bia lưu niệm
110	Một bộ phận nhà in Tô Hiệu	152	161	313	Bia lưu niệm
111	Bộ Tư pháp	114	237	351	Nhà bia
112	Hang đá Yên Thượng	2.500	7.500	10.000	Bia lưu niệm
113	Đình Yên Thượng	316,2	430,8	747	Bia lưu niệm
	Tổng	166.912	20.5690	372.602	